TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 15 - 8 - 2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Anh Đức
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Quý
2. Ông Quách Hà Vính

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 15/8/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 149/2018/TLST- HNGĐ ngày 03/7/2018 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Thị H; sinh năm: 1986
Địa chỉ: Thôn Sồi, xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:
Bà Nguyễn Thị Ng - Trợ giúp viên pháp lý
Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước , tỉnh Thanh Hóa.
2. Bị đơn: Anh Trương Văn H; sinh năm: 1990
Địa chỉ: Thôn Sồi, xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt chị H; vắng mặt anh Trương Văn H và bà Nguyễn Thị Ng (Anh H và bà Ng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2018, trong bản tự khai ngày 04/7/2018 cũng như tại phiên tòa, chị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trương Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2011 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Sau ngày cưới, vợ chồng sống không hòa thuận mà luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng chung quan điểm

sống. Mặt khác, sau một thời gian chung sống nhưng vợ chồng vẫn không có con chung nên hạnh phúc vợ chồng không được trọn vẹn. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai vợ chồng đều cảm thấy mệt mỏi. Chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản : Vợ chồng không có tài sản chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 07/7/2018, anh Trương Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Quách Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 16/12/2011. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng không được hòa thuận. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai vợ chồng đều cảm thấy mệt mỏi, chán nản. Anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa . Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị H.

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xét xử cho chị Quách Thị H được ly hôn anh Trương Văn H và áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn tiền án phí cho chị Quách Thị H.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự: Chị H và anh H thuận tình ly hôn, vợ chồng không có con chung và không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Tuy chị H và anh H thuận tình ly hôn và thoả thuận được tất cả các vấn đề có trong vụ án nhưng anh H không có mặt tại phiên hoà giải cũng như tại phiên tòa nên Toà án không ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh H không có mặt. Do đó, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh H và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H đến

phiên hoà giải hai lần nhưng anh H đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Tại phiên tòa, anh H và bà Ng vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh H và bà Ng.

[2] Về hôn nhân: Chị Quách Thị H và anh Trương Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2011 tại UBND xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Mặt khác, sau ba năm chung sống nhưng vợ chồng vẫn không có con chung nên hạnh phúc gia đình không được trọn vẹn. Chị H đã về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2014 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Việc này cả chị H và anh H đều thừa nhận và cũng đã được các cấp chính quyền xã Thành Minh xác nhận. Chị H và anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng muốn được ly hôn. Điều đó chứng tỏ chị H và anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cũng tại bản luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh H. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh H.

[3] Về con cái và tài sản: Vợ chồng không có con chung và cũng không có tài sản chung, chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Quách Thị H là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017). Chị H cũng đã có đơn đề nghị xin miễn nộp tiền án phí, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H cũng đề nghị miễn tiền án phí cho chị H, nghĩ nên chấp nhận đề nghị này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị H được ly hôn anh Trương Văn H.

2. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí cho chị Quách Thị H, trả lại cho chị H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2016/0003366 ngày 03/7/2018 là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H; vắng mặt anh H, bà Ng. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H có

quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã Thành Minh;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Anh Đức